

IEF – Minitest – 07/10/25

Name:

Score:/81

Vocabulary	Word type	Meaning
Acquire		1. Động vật có nguy cơ tuyệt chủng
Ambiguous		2. Quan sát (.....N.)
Civil		3. Kinh khủng
Constitute		4. Qua + khu vực/Thông qua + phương tiện
Context		5. Sự giam cầm
Especially		6. Dân sự
Differentiate		7. Hấp dẫn, thú vị
Index		8. Nhờ đó
Integral		9. Kỹ thuật viên
Military		10. Khao khát
Somewhat		11. Cấu tạo
Via		12. Quan trọng cốt lõi, không thể thiếu
Whereby		13. Phân biệt (SYN)
Claim		14. Thủ tướng
Blame sb for sth		15. Độc ác
Title		16. Hành vi
Technician		17. Phạm pháp (OPP)
Prime minister		18. Mơ hồ
President		19. Nhà hoạt động
Inherit		20. Thừa kế (..... N.)
Illegal		21. Trách móc, đổ tội cho sb vì sth
Rare		22. Hiếm
Unusual		23. Quyền
Endangered species		24. Làm hỏng, hủy hoại sth
Behavior		25. Theo bản năng
Rights		26. Chủ tịch
Activist		27. Yêu cầu, đòi
Captivity		28. Đặc biệt là
Cruel		29. Phẫn nộ
Poach		30. Khác thường
Horrible		31. Có lỗi, gây ra sth, bị quy trách nhiệm
Desire		32. Có được
Define		33. Xác định, định nghĩa (.....N.)
Observe		34. Chức vụ, tiêu đề
Instinctive		35. Quân đội
Fascinating		36. Chỉ số
Be blame for sth		37. Sẵn trái phép
Ruin sth		38. Ngủ cảnh